TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/KDTM-ST
Ngày: 04/9/2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN NHÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn Đẹp**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Lại Thiện Phong**;
2. Bà **Nguyễn Thị Hiểu**.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Thái Kim Phương** – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.
- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Huyền Mao** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2020/TLST-KDTM, ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-KDTM, ngày 22/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Hợp tác xã Nông nghiệp T**

Địa chỉ: khóm V, phường 3, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Mai Thành T**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: khóm V, phường 3, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

2. Đồng bị đơn: - Ông **Lê Trần V**, sinh năm 1982 (Hộ kinh doanh)

- Bà **Trần Kiều D**, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông Mai Thành T có mặt; Ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2020 và lời trình bày của người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Hợp tác xã Nông nghiệp T ông Mai Thành T trình bày: Vào ngày 06/11/2019 (âm lịch), vợ chồng ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D có ký kết hợp đồng mua bán lúa giống với Hợp tác xã Nông nghiệp T với số lượng 5.000kg với giá là 12.000 đồng/01 kg lúa giống, tính ra tổng số tiền là 60.000.000 đồng. Vào ngày 07/11/2019 (âm lịch), vợ chồng ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D có

ký kết hợp đồng mua bán lúa giống với Hợp tác xã Nông nghiệp T với số lượng là 5.000kg, giá là 11.500 đồng/01kg, tính ra tiền là 57.500.000 đồng. Tổng cộng hai lần vợ chồng ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D mua 10.000kg lúa giống với tổng số tiền là 117.500.000 đồng. Đến ngày 04/3/2020 (âm lịch), vợ chồng ông V và bà D có trả cho Hợp tác xã Nông nghiệp T 20.000.000 đồng đưa trực tiếp cho ông Mai Thành T. Việc trả tiền bà D và ông V có ghi biên nhận và có ký tên sau tờ hợp đồng mua bán lúa giống giữa ông V, bà D với Hợp tác xã Nông nghiệp T. Hiện tại ông V và bà D còn thiếu Hợp tác xã Nông nghiệp T số tiền là 97.500.000 đồng. Nay Hợp tác xã Nông nghiệp T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân xem xét, giải quyết buộc ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D phải trả cho Hợp tác xã Nông nghiệp T số tiền mua lúa giống còn thiếu là 97.500.000 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2020, đồng bị đơn ông Lê Trần V và bà Trầm Kiều Diễm trình bày: Vợ chồng ông, bà thừa nhận là có đứng ra ký kết hợp đồng mua bán lúa giống với Hợp tác xã Nông nghiệp T, ông bà mua lúa giống về bán lại cho các hộ dân, ông bà mua của hợp tác xã bao nhiêu thì về bán lại cho các hộ dân bấy nhiêu. Ông, bà có thỏa thuận với hợp tác xã khi bán lúa giống cho nông dân thì Hợp tác xã sẽ chi hoa hồng cho ông bà với giá 100 đồng/kg lúa giống. Đồng thời, đến khi thu hoạch thì hợp tác xã sẽ mua lại lúa thương phẩm của nông dân làm ra. Ông V, bà D có ký 02 hợp đồng mua bán lúa giống với Hợp tác xã Nông nghiệp T. Lần 1: Vào ngày 06/11/2019 (âm lịch), vợ chồng ông V, bà D có ký kết hợp đồng mua bán lúa giống với Hợp tác xã Nông nghiệp T với số lượng 5.000kg với giá là 12.000 đồng/01 kg lúa giống, tổng số tiền là 60.000.000 đồng. Lần 2: Vào ngày 07/11/2019 (âm lịch), vợ chồng ông V, bà D có ký kết hợp đồng mua bán lúa giống với Hợp tác xã Nông nghiệp T với số lượng là 5.000kg, giá là 11.500 đồng/01kg, tính ra tiền là 57.500.000 đồng. Tổng cộng hai lần vợ chồng ông V, bà D mua 10.000kg lúa giống với tổng số tiền là 117.500.000 đồng. Đến ngày 04/3/2020 (âm lịch), vợ chồng ông V, bà D có trả cho Hợp tác xã Nông nghiệp T 20.000.000 đồng đưa trực tiếp cho ông Mai Thành T. Hiện tại vợ chồng ông V, bà D còn thiếu Hợp tác xã Nông nghiệp T số tiền 97.500.000 đồng. Nay Hợp tác xã Nông nghiệp T yêu cầu ông V, bà D trả số tiền 97.500.000 đồng thì ông V, bà D đồng ý nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông V, bà D xin trả từ từ. Ngoài ra, ông bà không có ý kiến trình bày gì thêm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án thì Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Kiểm sát viên đã nhận định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã Nông nghiệp T. Buộc ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D có nghĩa vụ liên đới trả cho Hợp tác xã Nông nghiệp T số tiền 97.500.00 đồng.

Về án phí: Buộc ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D phải có trách nhiệm liên đới chịu tòa bộ án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch theo quy định pháp luật là 4.875.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Hợp tác xã Nông nghiệp T khởi kiện yêu cầu ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D trả tiền mua lúa giống nguyên đơn có giấy nhận kinh doanh, bị đơn có giấy chứng nhận đăng ký hộ gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 30 điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

[2] Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Hợp tác xã Nông nghiệp T ông Mai Thành T có mặt. Đồng bị đơn ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D.

Về nội dung vụ án

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Hợp tác xã Nông nghiệp T, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp tác xã Nông nghiệp T có giao dịch mua bán lúa giống với ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định giữa Hợp tác xã Nông nghiệp T có giao dịch mua bán lúa giống với ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D, khi mua bán hai bên có ký kết hợp đồng mua bán và hiện tại số tiền mà ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D còn thiếu lại của Hợp tác xã Nông nghiệp T số tiền là 97.500.000 đồng. Hợp tác xã Nông nghiệp T yêu cầu ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D trả tổng số tiền là 97.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D cũng thừa nhận còn thiếu Hợp tác xã Nông nghiệp T số tiền 97.500.000 đồng và đồng ý trả cho Hợp tác xã Nông nghiệp T nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông V, bà D không thực hiện nghĩa vụ của mình nên Hợp tác xã Nông nghiệp T yêu cầu ông V, bà D trả số tiền còn thiếu là 97.500.000 đồng là có có sở chấp nhận. Mặc dù, ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D đồng ý với yêu cầu của Hợp tác xã Nông nghiệp T nhưng khi tiến hành hòa giải để giải quyết vụ án thì ông V và bà D vắng mặt nên không thể lập biên bản về việc ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận và hòa giải thành giữa Hợp tác xã Nông nghiệp T với ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

Buộc ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D có trách nhiệm liên đới chịu tòa bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 4.875.000 đồng.

Hợp tác xã Nông nghiệp T không phải chịu án phí. Số tiền án phí mà Hợp tác xã Nông nghiệp T đã dự nộp sẽ được hoàn lại trong giai đoạn thi hành án.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 50 Luật thương mại;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã Nông nghiệp T.

Buộc ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D có nghĩa vụ liên đới trả cho Hợp tác xã Nông nghiệp T số tiền là 97.500.000 đồng (chín mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với số tiền chậm thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Trần V và bà Trần Kiều D phải liên đới nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 4.875.000 đồng (bốn triệu, tám trăm, bảy mươi lăm nghìn đồng).

Số tiền án phí mà Hợp tác xã Nông nghiệp T đã dự nộp là 2.437.500 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0003049 ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân sẽ được hoàn lại toàn bộ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

LÊ VĂN ĐẸP